

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Thành H1, sinh năm 1973; địa chỉ ấp N, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Phước C1, sinh năm 1986; địa chỉ Số B19, khu dân cư Đ, Quốc lộ 1A, phường T1, quận R, Thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2021).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968; địa chỉ ấp T3, xã H2, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Ngô Nguyễn Hải Y, sinh năm 1977; địa chỉ ấp N, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ngô Nguyễn Hải Yến: Anh Huỳnh Phước C1, sinh năm 1986; địa chỉ Số B19, khu dân cư Đ, Quốc lộ 1A, phường T1, quận R, Thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2022).

2) Bà Trần Thị T4, sinh năm 1970; địa chỉ ấp T3, xã H2, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

3) Ông Lưu Văn V, sinh năm 1958.

4) Ông Lưu Văn C2, sinh năm 1968.

5) Ông Phạm Thành M, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

6) Anh Đỗ Vũ P2, sinh năm 1990; địa chỉ Số 254, khu vực Q, phường T5, quận R, Thành phố Cần Thơ.

7) Anh Nguyễn Nhựt H2, sinh năm 1998.

8) Anh Nguyễn Hùng C3, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp T3, xã H2, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung tranh chấp:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T4 đồng ý mở lối đi là phần đất trồng cây lâu năm tại tách thửa đất số 485, tờ bản đồ số 16, có diện tích 719,8 m² nằm trong chu vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1, địa chỉ ấp N, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông T2 đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số: CS 16xx38, vào sổ số: CS0xx87, ngày 18 tháng 6 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Lưu Thành H1, bà Ngô Nguyễn Hải Y, anh Đỗ Vũ P2, anh Nguyễn Nhựt H2, anh Nguyễn Hùng C3, ông Lưu Văn C2, ông Lưu Văn V, ông Phạm Thành M được sử dụng đi ra đường Huyện 40B.

2.1.2. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T4 không yêu cầu ông Lưu Thành H1, bà Ngô Nguyễn Hải Y, anh Đỗ Vũ P2, anh Nguyễn Nhựt H2, anh Nguyễn Hùng C3, ông Lưu Văn C2, ông Lưu Văn V, ông Phạm Thành M phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm bị hạn chế quyền về lối đi qua.

2.1.3. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T4 đồng ý có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với phần đất mở lối đi có diện tích 719,8 m² nêu trên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

(Kèm theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình).

2.2. Về chi phí tố tụng (thẩm định, định giá tài sản): Ông Lưu Thành H1 tự nguyện chịu số tiền 3.330.134 (Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng và đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Thành H1 tự nguyện chịu hòa giải thành số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này khấu trừ xong vào trong số tiền 3.007.000 (Ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N_o 0010517 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên hoàn trả cho ông H1 được

nhận lại số tiền 2.857.000 (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + ĐD. NĐ + BĐ + NLQ + ĐD.NLQ: 12;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Minh Tân